

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HSST
Ngày 24 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân: ông Khương Trung Thành và bà Đặng Thị Liễu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/TL - HSST ngày 27/07/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: NVT, sinh ngày 10/3/1960.

Nơi cư trú: thôn ĐT, xã TĐ, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; bố đẻ: NVĐ (đã chết); mẹ đẻ: NTT (đã chết); vợ: NTV, sinh năm 1961; con: có 03 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2017 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh LVB, sinh năm 1989, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn BS, xã SĐ, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh LDH, sinh năm 1982, vắng mặt.

Nơi cư trú: TDP TC, thị trấn LT, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY

Bị cáo NVT bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13h ngày 28/02/2017, LVB gọi điện thoại cho NVT hỏi mua ma túy để sử dụng. T đồng ý và hẹn B ra khu vực bờ hồ thuộc thôn TT, xã TĐ để trao đổi, mua bán. Sau đó T điều khiển xe mô tô BKS: 23C3 - 003.65 đến khu vực gầm cầu vượt đường cao tốc qua địa phận xã VQ, huyện N mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi 02 gói ma túy với giá 200.000đ rồi quay lại điểm hẹn. Tới nơi, T gặp B và LDH đang chờ ở đó. B đưa cho T 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 200.000đ, T cầm tiền và đưa cho B 01 gói nhỏ chứa chất bột màu trắng. Thấy vậy, LDH cũng đưa cho T 200.000đ để mua 01 gói ma túy. Khi các đối tượng đang trao đổi mua bán thì bị Tổ công tác của Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện. Thấy vậy, T hoảng sợ vứt tiền xuống đất bỏ chạy nhưng đã bị Cơ quan Công an bắt giữ và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan cụ thể: Của B 01 gói nhỏ bằng giấy bên trong chứa chất bột màu trắng (B khai là Hêrôin vừa mua được của T) - niêm phong trong bao gói ký hiệu A1; 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Nokia màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy màu trắng kích thước (03 x 05)cm, ghi số “745”. Thu giữ của LDH: 01 gói nhỏ bằng giấy bên trong chứa chất bột màu trắng (H khai là Hêrôin vừa mua được của T) - niêm phong trong bao gói ký hiệu A2; của T 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel màu xanh, BKS: 23C3 - 003.65 và 400.000đ, gồm 02 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000đ có số seri lần lượt là OM11020745 và WN14630012, T khai nhận là số tiền bán ma túy cho B và H mà có.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh giám định trọng lượng, chủng loại số chất bột màu trắng niêm phong trong bao gói ký hiệu A1, A2 thu giữ của các đối tượng, đồng thời khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Tuyến tuy nhiên không thu giữ được tài liệu, vật chứng gì có liên quan. Ngày 04/3/2017 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Văn bản số: 146/KLGD kết luận:

- Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi đến giám định có trọng lượng là 0,0487, có Heroine. Trọng lượng Heroine có trong 0,0487g mẫu là 0,0351g (Không phải không ba năm một gam).

- Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A2 gửi đến giám định có trọng lượng là 0,0678, có Heroine. Trọng lượng Heroine có trong 0,0678g mẫu là 0,0454g (Không phải không bốn năm bốn gam).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, NVT khai nhận: Bản thân là đối tượng nghiện hút, 02 gói ma túy bán cho LVB và LDH qua bạn bè giới thiệu T mua được

của một người đàn ông ở khu vực gầm cầu vượt đường cao tốc qua địa phận xã VQ với giá 200.000đ rồi bán lại cho các đối tượng để kiếm lời. Bản thân T không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể của người đã bán ma túy cho mình nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh và không đề cập xử lý.

Ngoài ra bị cáo còn tự khai nhận: Khoảng 08h ngày 28/02/2017, B gọi điện cho T hỏi mua ma túy, T đồng ý ra khu vực bờ hồ thuộc thôn TT, xã TĐ để trao đổi mua bán. Sau đó T đến khu vực gầm cầu vượt đường cao tốc qua địa phận xã VQ mua được 01 gói ma túy (vẫn của người đã bán ma túy cho T chiều ngày 28/02/2017) với giá 100.000đ rồi mang bán cho B với giá 170.000đ.

Ngày 12/3/2017 Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra quyết định xử phạt hành chính B và H mỗi người 1.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 39/KSĐT-MT ngày 26 tháng 07 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố T về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội đối với bị cáo T, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo T từ 07 năm đến 08 năm tù. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý vật chứng của vụ án, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận việc bán ma túy cho B và H như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng, ngoài ra không có lời bào chữa nào khác.

Xét lời nhận tội của bị cáo T phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản phạm pháp quả tang, tang vật chứng thu giữ, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Điểm b Khoản 2 Điều 194 quy định: “ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

... b. Phạm tội nhiều lần...”.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo T là tảo bạo, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo vì ham lợi cho bản thân mà bán ma túy cho người khác sử dụng, gây nghiện và kéo theo là các hậu quả xấu cho bản thân người sử dụng ma túy, gia đình và xã hội. Mặc dù các hành vi liên quan đến ma túy đã được tuyên truyền giáo dục nhiều, song các tội phạm trên cũng chưa giảm, diễn biến phức tạp, thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn, vì vậy cần xét xử thật nghiêm minh trước pháp luật để cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân bị cáo T thấy rằng: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải; bị cáo đã tự thú nhận hành vi bán ma túy cho anh LVB vào buổi sáng ngày 28/02/2017 nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Mặc dù vậy bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2002 từng bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Tại Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo T thấy rằng; kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản có giá trị lớn, bị cáo không có việc làm ổn định, việc mua bán ma túy không đem lại thu nhập cho gia đình, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo T tại khu vực gầm cầu vượt đường cao tốc. Do tuyến không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ của người đàn ông đó nên Cơ quan điều tra tách ra, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Đối với LVB và LDH có hành vi mua trái phép chất ma túy của T để sử dụng. Tuy nhiên số ma túy thu giữ có trọng lượng nhỏ, nhân thân không có tiền án liên quan đến tội phạm ma túy nên Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tài sản thu giữ của các đối tượng qua xác minh làm rõ chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA 1280 màu đen đã cũ đều là tài sản hợp pháp của T và B. Các đối tượng dùng làm phương tiện liên lạc nhằm trao đổi, mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước. Số tiền 400.000đ (gồm 02 tờ mệnh giá 200.000đ số seri là OM11020745 và WN14630012), bị cáo T có được từ việc bán trái phép chất ma túy vào chiều ngày 28/02/2017 nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước. Số tiền 170.000đ

có được từ việc bán trái phép cho B sáng ngày 28/02/2017, bị cáo đã tiêu sài hết tuy nhiên đây là tài sản thu lời bất chính từ hành vi phạm pháp nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Mảnh giấy thu giữ của B ghi con số 745 (trùng với số seri cuối tờ tiền B trả cho T khi mua ma túy), B khai ghi lại để sau đó đánh số đề là tài liệu chứng minh tội phạm nên lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel màu xanh, BKS 23C3 - 003.65, đăng ký mang tên VMC, sinh năm 1970 ở xã ML, huyện YM, tỉnh Hà Giang, T khai mua lại vào khoảng tháng 4 năm 2016 với giá 3.000.000đ làm phương tiện đi lại. Qua xác minh là tài sản hợp pháp của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo NVT phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo NVT phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 194; Điểm o, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự. Điều 76, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo NVT 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/02/2017.

Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại di động của T và của B (đều mang nhãn hiệu Nokia); Tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo T số tiền 400.000đ; Tịch thu tiêu hủy hai bao gói niêm phong ký hiệu A1, A2 hoàn lại sau giám định; Trả lại cho bị cáo T xe mô tô BKS 23C3 – 003.65 (tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

Truy thu sung quỹ nhà nước đối với NVT số tiền 170.000đ.

Bị cáo NVT phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND N
- THA N
- Công an N
- Trại giam CA tỉnh
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc
- UBND xã TĐ
- Bị cáo T.
- NCQL&NVLQ
- Lưu hs+Vp

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công